

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 30-10-2018

V/v tranh chấp: “*Không công nhận là vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn B

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức M

2. Bà Lê Thị S

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy T, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị H - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

2. Bị đơn: Ông Ngô M, Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quý tín dụng nhân dân Lộc T

Địa chỉ: Số 48, đường Lê Lợi, xã Lộc T, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L, Sinh năm 1953

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Nam P, Sinh năm 1956

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Lộc N.

“*Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2018*”

(Bà T, ông M, ông P có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2016 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông M sống chung với nhau từ năm 1992 không đăng ký kết hôn. Việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý

của hai bên gia đình. Quá trình sống chung bà T và ông M tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Diện tích đất 3.445 m² và tài sản trên đất thuộc thửa 155 tờ bản đồ 31 xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Thái và bà Ba.

- Diện tích đất 2.640 m² và tài sản trên đất thuộc thửa 153 tờ bản đồ 31 xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phúc và bà Hoa.

Ngoài ra còn một số tài sản chung là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình.

Bà T yêu cầu chia đôi tài sản chung là đất và tài sản trên đất, bà T yêu cầu chia bằng hiện vật. Do bà T nuôi con chung nên bà T yêu cầu được nhận phần tài sản có nhà ở. Nếu ai nhận phần tài sản có giá trị cao hơn thì phải thanh toán lại giá trị chênh lệch. Đối với một số tài sản chung khác bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T trình bày quá trình sống chung bà T và ông M có vay nợ chung của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T-Phòng giao dịch Lộc N số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà T và ông M mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T-Phòng giao dịch Lộc N.

Bị đơn ông Ngô M trình bày: Quá trình sống chung ông M và bà T không tạo lập được tài sản chung nào. Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa 155, thửa 153 tờ bản đồ 31 xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ như bà T trình bày là tài sản riêng của ông M, không liên quan gì đến bà T nên ông M không đồng ý chia cho bà T mà ông M chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà T số tiền 50.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vào khối tài sản riêng của ông M.

Về nợ chung: Quá trình sống chung ông M và bà T không vay nợ chung của ai, khoản nợ vay của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T-Phòng giao dịch Lộc N số tiền 100.000.000 đồng là nợ riêng của ông M, ông M vay để xây nhà nên ông M có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T-Phòng giao dịch Lộc N.

Bà T và ông M thống nhất với bản trích đo địa chính thửa đất có lồng ghép hồ sơ địa chính để kiểm tra ngày 17/4/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo L và chứng thư thẩm định giá ngày 06/5/2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T trình bày: Ngày 08/11/2016, ông M, bà T vay của Quỹ tín dụng Lộc Thanh 100.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 25/11/16-PGD, trong quá trình vay đã trả lãi đến ngày 27/10/2017. Từ ngày 28/10/2017 đến nay chưa trả gốc và lãi mặc dù đã quá hạn theo hợp đồng tín dụng. Nay Quỹ tín dụng Lộc Thanh yêu cầu bà T và ông M có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng Lộc Thanh số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cụ thể là:

Lãi trong hạn: 28/10/2017 đến ngày 08/11/2017 là: 100.000.000 đồng x 0.9% x 12 ngày = 360.000 đồng.

Lãi trong hạn: 09/11/2017 đến ngày 30/10/2018 là: 100.000.000 đồng x 1,35% x 356 ngày = 16.020.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 116.380.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung đã được giải quyết tại bản án số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân huyện Bảo L và bản án số 08/2018/HNGĐ-PT ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân tỉnh Lâm Đ, nay án có hiệu lực nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định các thửa đất 155, 153 tờ bản đồ 31 xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ và tài sản trên đất là tài sản chung giữa bà T và ông M nên chia cho mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên; Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ gốc và lãi suất phát sinh Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T; Về chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T ông M mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí trên; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phân tài sản được nhận và số tiền phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu “*Không công nhận là vợ chồng*” xác định quan hệ “*Không công nhận là vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Về quan hệ hôn nhân, về con chung đã được giải quyết tại bản án số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân huyện Bảo L và bản án số 08/2018/HNGĐ-PT ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân tỉnh Lâm Đ, nay án có hiệu lực nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về tài sản chung:

Đối với diện tích đất 3.445 m² và tài sản trên đất thuộc thửa 155 tờ bản đồ 31 xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ và diện tích đất 2.640 m² và tài sản trên đất thuộc thửa 153 tờ bản đồ 31 xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, Bà T cho rằng tài sản chung nên yêu cầu chia đôi, còn ông M cho rằng tài sản riêng nên

không đồng ý chia mà chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà T số tiền 50.000.000 đồng tiền công sức đóng góp vào khối tài sản riêng của ông M.

Căn cứ vào các chứng cứ do bà T cung cấp thì việc sống chung giữa ông M với bà T không có đăng ký kết hôn nhưng ông M và bà T sống chung liên tục với nhau trong một thời gian dài cùng sinh con, cùng tạo lập nên tài sản chung và vay nợ chung. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Phúc bà Hoa và vợ chồng ông Thái bà Ba, Bà T và ông M cùng nhau đầu tư và chăm sóc cây trồng trên đất. Qua xác minh đối với những người chuyển nhượng đất đều khẳng định rằng việc chuyển nhượng tài sản trên là chuyển nhượng cho bà T và ông M, việc trả tiền nhận chuyển nhượng đất đều do bà T và ông M trả chứ không phải chuyển nhượng cho một mình ông M. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định tài sản trên là tài sản chung của bà T và ông M nên cần chia đôi mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản trên.

Theo chứng thư thẩm định giá ngày 06/5/2017 của công ty cổ phần Thẩm định giá Việt Tín thì:

Tài sản là quyền sử dụng đất có trị giá: 414.820.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất có trị giá: 193.800.000đ.

Cây trồng trên đất có trị giá: 103.841.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung: 712.461.000 đồng.

Do tài sản nêu trên bà T yêu cầu chia được bằng hiện vật, và theo bản án số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 07/8/2017 của Tòa án nhân huyện Bảo L và bản án số 08/2018/HNGĐ-PT ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân tỉnh Lâm Đ đã giao cho bà T nuôi con chung nên cần giao tài sản là phần đất có nhà ở cho bà T.

Đối với thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ có diện tích đất thực tế sử dụng là 3.445 m^2 trừ 159 m^2 (Do đôi đất) và trừ 73 m^2 (Để làm đường đi chung của bà T và ông M), còn lại 3.213 m^2 nên mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ là $1.606,5 \text{ m}^2$ + Tài sản trên đất.

Đối với thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ có diện tích 2.640 m^2 mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ là 1.320 m^2 + Tài sản trên đất.

Bà T nhận tài sản có trị giá cao hơn nên bà T phải thanh toán lại cho ông M 96.900.000 đồng.

Đối với một số tài sản chung khác do bà T và ông M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về nợ chung: Quá trình sống chung bà T và ông M có vay nợ chung của Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T-Phòng giao dịch Lộc N số tiền 100.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 25/11/16-PGD ngày 08/11/2016 do bà T và ông M cùng vay, do vậy xác định là khoản nợ chung giữa ông M và bà T.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T yêu cầu bà T, ông M có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng Lộc Thanh số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cụ thể là:

Lãi trong hạn: 28/10/2017 đến ngày 08/11/2017 là: 100.000.000 đồng x 0.9% x 12 ngày = 360.000 đồng.

Lãi trong hạn: 09/11/2017 đến ngày 30/10/2018 là: 100.000.000 đồng x 1,35% x 356 ngày = 16.020.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 116.380.000 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng số 25/11/16-PGD ngày 08/11/2016 do Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T cung cấp, bà T và ông M đều thừa nhận cả hai cùng vay và ký xác nhận nhưng nay chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Đối chiếu với chứng từ thanh toán thì đã trả lãi đến ngày 27/10/2017. Do vậy, buộc bà T và ông M mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 30/10/2018, cụ thể tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/10/2018 là 16.380.000 đồng là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí là 10.985.300 đồng, trong đó chi phí do vẽ là 2.035.300 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 950.000 đồng, chi phí thẩm định giá 8.000.000 đồng. Bà T, ông M mỗi người được chia tài sản ngang nhau nên cần buộc bà T, ông M mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí này. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T đã tạm nộp 10.985.300 đồng, nên cần buộc ông M phải trả lại cho bà T 5.492.650 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009, cần buộc bà T phải nộp 17.811.525 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận và 2.909.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, cần buộc ông M phải nộp 17.811.525 đồng án phí án phí dân sự trên phần tài sản được nhận ($356.230.500$ đồng x 5% = 17.811.525 đồng) và 2.909.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, Điều 147, 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 33, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT ngày 06/01/2016 của TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tài sản chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 1.606,5 m² đất thuộc một phần thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, trên đất có cây cà phê + 01 cây sầu riêng và 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn, nền gạch bông diện tích 91,2 m². Phần đất bà T được chia có tứ cận như sau: Một phía giáp thửa 181, 474 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, một phía giáp đường đi chung của bà T và ông M, một phía giáp đất bà T ông M được chia phía sau (Một phần thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ), một phía giáp đất ông M được chia (Một phần thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ).

Giao cho ông Ngô M được quyền sử dụng 1.606,5 m² đất thuộc một phần thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, trên đất có cây cà phê + 01 cây sầu riêng. Phần đất ông M được chia có tứ cận như sau: Một phía giáp thửa 109 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, một phía giáp đất bà T được chia (Một phần thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ), một phía giáp đường đi chung của bà T ông M, một phía giáp đất ông M được chia phía sau (Một phần thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ).

Bà T và ông M được sử dụng chung 73 m² đất làm đường đi có chiều ngang 03m, chiều dài 24,42 m² thuộc một phần thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

Giao cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 1.320 m² đất thuộc một phần thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, trên đất có cây cà phê. Phần đất bà T được chia có tứ cận như sau: Một phía giáp thửa 419, 180 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, một phía giáp thửa 474 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ và giáp phần đất bà T được chia phía trước (Thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ), một phía giáp đất ông M được chia (Một phần thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ), một phía giáp thửa 151 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

Giao cho ông Ngô M được quyền sử dụng 1.320 m² đất thuộc một phần thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, trên đất có cây cà phê. Phần đất ông M được chia có tứ cận như sau: Một phía giáp thửa 154 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, một phía giáp phần đất bà T ông M được chia phía trước (Thửa 155 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ), một phía giáp đất bà T được chia (Một phần thửa 153 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ), một phía giáp thửa 151 tờ bản đồ 31, xã Lộc A, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

Theo bản trích đo địa chính thửa đất có lồng ghép hồ sơ địa chính để kiểm tra ngày 17/4/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo L.

Bà T và ông M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án được chia tài sản chung.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Ngô M 96.900.000 (Chín mươi sáu triệu chín trăm ngàn) đồng tiền do bà T nhận hiện vật có trị giá cao hơn.

2. Về nợ chung: Buộc bà T và ông M mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc Thanh số tiền gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 30/10/2018, cụ thể là 8.190.000 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 25/11/16-PGD ngày 08/11/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T với bà Nguyễn Thị T và ông Ngô M cho đến khi bà T, ông M trả xong khoản nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Ngô M phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.492.650 đồng chi phí do vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và Thẩm định giá.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp 17.811.525 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận và 2.909.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T. Được trừ vào số tiền 6.450.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006904 ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L. Bà T còn phải nộp 14.471.025 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Ngô M phải nộp 17.811.525 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận và 2.909.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T. Tổng cộng ông M phải nộp 20.721.025 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Lộc T số tiền 2.720.000 đồng đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005236 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND tỉnh Lâm Đ;
- VKSND huyện Bảo L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Tiền hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị Hòa, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 3, Xã Lộc Nam, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Hồ Thị Phương**-Văn phòng luật sư Lộc Phát thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đ.

Địa chỉ: Số nhà 161A đường Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đ.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàn Nam, phường Kỳ Liên, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về quan hệ tranh chấp:

+ **Ý kiến hội thẩm nhân dân Sáu**: Tranh chấp về việc “Ly hôn”.

+ **Ý kiến hội thẩm nhân dân Duyên**: Thống nhất với ý kiến HTND Sáu.

+ **Ý kiến chủ tọa**: Thống nhất với ý kiến HTND Sáu và HTND Duyên:

+ **HDXX biểu quyết**: Thống nhất 3/3 đạt 100%.

2/ Về đường lối giải quyết vụ án:

+ **Ý kiến hội thẩm nhân dân Sáu**:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Đinh Thị Hòa với anh Nguyễn Văn Hùng. Xử cho chị Đinh Thị Hòa với anh Nguyễn Văn Hùng được ly hôn.

Về con chung: Xử tiếp tục giao các con chung là Lê Thùy Dung, sinh ngày 17/11/2010 cho bà Hoa trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Hùng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoa, ông Hùng đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Đinh Thị Hòa phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Bà Hoa đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005169 ngày 05/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đ, bà Hoa đã nộp đủ án phí.

+ **Ý kiến hội thẩm nhân dân Duyên**: Thống nhất với ý kiến HTND Sáu.

+ **Ý kiến chủ tọa**: Thống nhất với ý kiến HTND Sáu và HTND Duyên:

+ **HDXX biểu quyết**: Thống nhất 3/3 đạt 100%.

